

Số: 2709/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 30 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 21 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 7 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 4 năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 12/2017/TT-BNNPTNT ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về yêu cầu kỹ thuật đối với cơ sở sản xuất giống và nuôi cá rô phi;

Căn cứ Quyết định số 1151/QĐ-BNN-TCTS ngày 19 tháng 3 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Kế hoạch quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 513/QĐ-TCTS-NTTS ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Tổng cục Thủy sản về việc phê duyệt hướng dẫn quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia chất lượng môi trường xung quanh;

Căn cứ Quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2021 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch phòng, chống một số dịch bệnh nguy hiểm trên thủy sản nuôi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 4995/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 5238/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế thủy sản tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2023 của UBND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3235/TTr-SNN-TS ngày 22/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này về Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Thủy sản (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN (M).

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ

KẾ HOẠCH

**Quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn
tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2025**

(Kèm theo Quyết định số: 2709/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh Nghệ An)

I. SỰ CẦN THIẾT

Nghệ An là một tỉnh ven biển thuộc khu vực Bắc Trung bộ có diện tích đất tự nhiên lớn nhất cả nước và là một tỉnh có đầy đủ các loại hình mặt nước nuôi trồng thủy sản từ nuôi trên biển, ven biển đến nuôi trong các thủy vực nước ngọt nội địa. Phát huy thế mạnh về điều kiện tự nhiên, nuôi trồng thủy sản không ngừng phát triển, đã tạo được nhiều dấu ấn và có vị trí quan trọng trong nền kinh tế thủy sản tỉnh nhà. Hoạt động nuôi trồng thủy sản đã góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập, mang lại giá trị cao trên đơn vị diện tích góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp nông thôn. Mục tiêu của ngành đã xác định nuôi trồng thủy sản tiếp tục là lĩnh vực sản xuất quan trọng để tạo ra nguồn nguyên liệu cung cấp nhu cầu thực phẩm cho người dân trong, ngoài tỉnh và xuất khẩu. Với định hướng đến năm 2030 tăng sản lượng nuôi trồng thủy sản, ổn định sản lượng khai thác thủy sản, mục tiêu Chương trình phát triển kinh tế thủy sản của tỉnh đến năm 2030 diện tích nuôi trồng thủy sản phấn đấu đạt 26.500 ha, sản lượng đạt 90.000 tấn.

Năm 2022 diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 21.751 ha, trong đó diện tích nuôi ngọt đạt 19.251 ha; nuôi mặn lợ đạt 2.500 (Tôm đạt 2.261 ha); sản lượng thu hoạch đạt 66.691 tấn trong đó: Nuôi ngọt đạt 52.409 tấn; nuôi mặn lợ đạt 14.282 tấn (tôm đạt 9.207 tấn). Công tác ứng dụng các công nghệ, quy trình kỹ thuật tiên tiến và các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao được quan tâm thúc đẩy phát triển.

Bên cạnh những kết quả đạt được, nghề nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh đang gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là tình trạng ô nhiễm môi trường và dịch bệnh. Vấn đề ô nhiễm nguồn nước từ nước thải sinh hoạt, nước thải nông nghiệp, nước thải công nghiệp và hoạt động nuôi trồng thủy sản không theo quy hoạch, quy trình kỹ thuật đã làm gia tăng dịch bệnh thủy sản. Ngoài ra các cơ sở nuôi chưa thực sự có ý thức trong việc bố trí hệ thống ao chứa, ao lắng, cải tạo ao nuôi, xử lý nước và bùn thải theo đúng quy định là một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và phát sinh dịch bệnh.

Đối tượng nuôi thủy sản khác với động vật sống trên cạn, đó là đời sống luôn gắn liền với môi trường nước, khi bị dịch bệnh thì rất khó khăn trong điều trị. Vì vậy việc kiểm soát dịch bệnh hoàn toàn phụ thuộc vào công tác phòng, ngừa, hạn chế các mối nguy gây ra dịch bệnh và kiểm soát tốt chất lượng môi trường nước.

Để thực hiện thành công các mục tiêu của Chương trình phát triển kinh tế thủy sản tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021- 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045 trên địa bàn tỉnh Nghệ An thì việc xây dựng “Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2023-2025” là rất cần thiết.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản nhằm phục vụ hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất; phát hiện sớm, cảnh báo kịp thời về chất lượng nước từ đó khuyến cáo, hướng dẫn cho các cơ sở nuôi trồng thủy sản các biện pháp xử lý, kiểm soát môi trường, phòng bệnh cho thủy sản nuôi đạt hiệu quả cao, đưa nghề nuôi trồng thủy sản phát triển bền vững, đồng thời đảm bảo yêu cầu xuất khẩu.

2. Mục tiêu cụ thể

- Chủ động quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường các vùng nuôi trọng điểm, nuôi các đối tượng chủ lực (tôm sú, tôm thẻ chân trắng), nuôi các đối tượng có giá trị kinh tế cao (nhuyễn thể, cá rô phi,...), nuôi lồng bè.

- Đảm bảo 80% cán bộ quản lý nuôi trồng thủy sản cấp tỉnh, huyện được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ về quan trắc, cảnh báo môi trường; 50% các cơ sở nuôi được hướng dẫn, tập huấn, tuyên truyền các biện pháp kiểm soát các yếu tố môi trường, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

- Kết quả quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường nuôi trồng thủy sản được chuyển tải nhanh nhất đến các cơ quan quản lý, người nuôi và các tổ chức, cá nhân liên quan.

- Thiết lập được cơ sở dữ liệu về quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản của địa phương và được hệ thống hóa vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản theo quy định của Luật thủy sản, Thông tư số 24/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về việc cập nhật, khai thác và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản

1.1. Quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản thường xuyên

Triển khai hoạt động quan trắc tại khu vực nuôi tập trung của các địa phương nuôi các đối tượng chủ lực, đối tượng nuôi chính có giá trị kinh tế với bộ thông số và tần suất quan trắc môi trường thống nhất.

a) Tiêu chí chọn vùng và điểm quan trắc

- Tiêu chí chọn vùng quan trắc: Vùng nuôi trồng thủy sản trọng điểm, có chung nguồn nước cấp, phù hợp với quy định phát triển nuôi trồng thủy sản của địa phương; những nơi thường xảy ra dịch bệnh hoặc có nguy cơ ô nhiễm môi trường. Vùng nuôi có diện tích từ 10 ha trở lên đối với nuôi thâm canh và bán thâm canh, từ 200 ha trở lên đối với hình thức nuôi khác, từ 1000 m³ trở lên đối với nuôi lồng, bè. Không trùng lặp với các chương trình quan trắc môi trường của đơn vị khác triển khai.

- Tiêu chí chọn điểm quan trắc: Có tính ổn định và đại diện cho toàn vùng.

b) Đối tượng và địa điểm quan trắc

- Đối với nuôi tôm nước lợ (*tôm sú, tôm thẻ chân trắng*): Tại vị trí khu vực nước cấp chung và ao đại diện của 09 vùng nuôi tôm trọng điểm thuộc các huyện, thị xã ven biển, cụ thể:

+ Tại thị xã Hoàng Mai: 03 vùng, bao gồm các phường, xã: Mai Hùng, Quỳnh Xuân/Quỳnh Liên, phường Quỳnh Di/Quỳnh Lộc - thị xã Hoàng Mai.

+ Tại huyện Quỳnh Lưu: 05 vùng, bao gồm các xã: Quỳnh Bảng/Quỳnh Thanh, Quỳnh Lương, An Hòa, Quỳnh Thuận, Quỳnh Yên - huyện Quỳnh Lưu.

+ Tại huyện Diễn Châu: 01 vùng tại xã Diễn Trung - huyện Diễn Châu

- Cá rô phi và cá nuôi lồng nước ngọt: Tại vị trí khu vực nước cấp chung và ao nuôi đại diện tại 02 vùng nuôi cá rô phi tại xã Diễn Yên - huyện Diễn Châu và xã Tân Phú - huyện Tân Kỳ; 02 điểm vùng nuôi cá lồng tập trung tại đập Hủa Na huyện Quế Phong và hồ Khe Bó huyện Tương Dương.

- Nhuyễn thể: Tại 02 điểm vùng nuôi nhuyễn thể thuộc xã Sơn Hải/Quỳnh Thuận huyện Quỳnh Lưu và xã Nghi Quang/Nghi Thiết huyện Nghi Lộc.

c) Thông số, thời gian và tần suất quan trắc

Thông số, thời gian và tần suất quan trắc môi trường trong nuôi trồng thủy sản được thể hiện chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Trong quá trình triển khai thực hiện, tùy theo điều kiện thực tế, tình hình sản xuất, đơn vị thực hiện kế hoạch chủ động rà soát, điều chỉnh lại thời gian, tần suất, thông số, thời điểm quan trắc và điểm, vùng nuôi lấy mẫu cho phù hợp.

1.2. Quan trắc, giám sát đột xuất

- Việc quan trắc, giám sát môi trường đột xuất được thực hiện khi môi trường có những diễn biến bất thường (mưa, nắng nóng kéo dài); vùng nuôi trồng thủy sản xảy ra hiện tượng thủy sản chết hay khi dịch bệnh xảy ra trên diện rộng.

- Thông số, tần suất quan trắc, giám sát: Dựa trên các thông số quan trắc và giám sát môi trường thường xuyên tại các vùng nuôi. Tùy theo tình hình thực tế để lựa chọn và bổ sung các chỉ tiêu khác ngoài các chỉ tiêu quan trắc thường xuyên cho phù hợp.

1.3. Công tác thông tin, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản

- Kết quả quan trắc, giám sát môi trường trong nuôi trồng thủy sản sau mỗi đợt phải được cập nhật, xử lý để thông báo và đưa ra cảnh báo, khuyến cáo kịp thời đến người nuôi để có phương án sản xuất phù hợp, thông qua các hình thức sau:

+ Gửi thông báo đến UBND các huyện, thành phố, thị xã, UBND các xã, phường, thị trấn có điểm quan trắc, giám sát môi trường để phổ biến cho người nuôi trên địa bàn.

+ Đăng tải nội dung kết quả quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường trên trang Website của Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nghệ An và các phương tiện truyền thông khác.

- Chia sẻ thông tin với các cơ quan quản lý liên quan trên địa bàn tỉnh để tổ chức triển khai công tác quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng, chống dịch bệnh sản đạt hiệu quả.

- Định kỳ cập nhật cơ sở dữ liệu về quan trắc môi trường tại địa phương vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản.

2. Nâng cao năng lực

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực về nghiệp vụ lấy mẫu, phân tích mẫu quan trắc môi trường nuôi trồng thủy sản cho đội ngũ cán bộ làm công tác quan trắc, cảnh báo môi trường.

- Đào tạo, tập huấn cho cơ sở nuôi trồng thủy sản kỹ năng kiểm soát các yếu tố môi trường và quản lý chất lượng nước trong nuôi trồng thủy sản.

3. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền (tờ rơi, áp phích, sách chuyên đề, thông tin trên đài truyền hình, truyền thanh, hệ thống mạng, ứng dụng điện thoại...) để thông tin kịp thời diễn biến chất lượng môi trường vùng nuôi; đồng thời nâng cao nhận thức của người nuôi về vai trò của quan trắc môi trường để cảnh báo sớm ô nhiễm cũng như bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

- Phổ biến tới người nuôi các mô hình nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu (ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn).

- Tuyên truyền các văn bản quy định về bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

4. Nguồn kinh phí thực hiện

- Nguồn ngân sách nhà nước

- Nguồn kinh phí lồng ghép thông qua các Chương trình, Dự án...

- Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan tổ chức, chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả cao.

- Chỉ đạo Chi cục Thủy sản triển khai thực hiện Kế hoạch đảm bảo đúng mục tiêu, nội dung; hàng năm xây dựng dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt để tổ chức thực hiện; có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí để thực hiện Kế hoạch theo đúng các quy định hiện hành.

- Thông báo kịp thời kết quả quan trắc, diễn biến chất lượng nước cho các địa phương, người nuôi tại địa điểm được quan trắc. Tổ chức cảnh báo, hướng dẫn các giải pháp khắc phục, xử lý, phòng ngừa về môi trường, dịch bệnh phù hợp, giảm thiểu rủi ro trong sản xuất.

- Tổ chức tuyên truyền, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và người dân về công tác quan trắc, cảnh báo môi trường trong nuôi trồng thủy sản.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết tình hình thực hiện Kế hoạch. Định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh tình hình thực hiện. Đề xuất sửa đổi, bổ sung Kế hoạch khi cần thiết cho phù hợp thực tiễn sản xuất.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện tốt kế hoạch này. Đồng thời cung cấp thông tin, kết quả quan trắc môi trường có liên quan, thuộc nhiệm vụ hàng năm của Sở Tài nguyên và Môi trường.

3. Sở Tài chính

Tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch đối với các nhiệm vụ thuộc trách nhiệm đảm bảo từ Ngân sách Nhà nước theo phân cấp hiện hành trong khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Chỉ đạo các cơ quan báo chí, Cổng thông tin điện tử Nghệ An tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về nuôi trồng thủy sản, các mô hình nuôi thủy sản có hiệu quả kinh tế cao; các kết quả quan trắc môi trường, các phương pháp cảnh báo, phòng ngừa dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản để nâng cao nhận thức cho cán bộ, người dân biết và thực hiện.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kết quả quan trắc môi trường vùng nuôi trồng thủy sản.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quá trình triển khai thực hiện và các nội dung có liên quan đến công tác quan trắc, cảnh báo và giám sát môi trường nước trong nuôi trồng thủy sản.

6. Chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản

- Thực hiện giám sát chất lượng nước tại cơ sở sản xuất của mình.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý trong việc thực hiện quan trắc, giám sát và cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản.

- Kịp thời báo cáo các diễn biến bất thường của môi trường nuôi trồng thủy sản với cơ quan quản lý nhà nước về nuôi trồng thủy sản tại địa phương.

- Ghi chép đầy đủ thông tin, số liệu thu thập, các biện pháp xử lý môi trường vượt ngưỡng cho phép theo hướng dẫn của cơ quan quản lý thủy sản và đơn vị thực hiện quan trắc.

- Cung cấp thông tin, số liệu về quan trắc môi trường, phòng bệnh động vật thủy sản nuôi khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, cơ quan quản lý triển khai thực hiện hoạt động quan trắc môi trường kịp thời, hiệu quả. / *me*

Phụ lục:

THÔNG SỐ, THỜI GIAN VÀ TẦN SUẤT QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

(Kèm theo Quyết định số: 2709/QĐ-UBND ngày 30/8/2023 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Điểm quan trắc, giám sát	Thông số quan trắc, giám sát	Thời gian quan trắc, giám sát	Tần suất quan trắc, giám sát
I Tôm nuôi nước lợ (tôm thẻ, tôm sú)				
1	Quan trắc nguồn nước cấp	Nhiệt độ, oxy hòa tan, độ mặn, pH, độ trong.	Con nước lớn của kỳ nước cường Trong thời gian từ tháng 2 đến tháng 11	10 lần/năm,
		N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , N-NO ₃ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , tổng Nitơ, tổng Phosphor, H ₂ S, độ kiềm, TSS, nhu cầu oxy hóa học (COD). Mật độ và thành phần tảo độc hại, Coliform <i>Vibrio</i> tổng số, WSSV, EHP, AHPND		
		Thuốc BVTV	Tháng 4 và tháng 7	02 lần/năm
		Kim loại nặng (Cd, Hg, As và Pb)		
2	Giám sát ao đại diện	Nhiệt độ nước, oxy hòa tan, màu nước, pH, độ trong.	Trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 11	08 lần/năm
		Độ mặn, độ kiềm, N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , N-NO ₃ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , tổng Nitơ, tổng Phosphor, H ₂ S, TSS, nhu cầu oxy hóa học (COD).		
		Mật độ và thành phần tảo độc.		
		Giám sát tác nhân gây bệnh trên tôm nuôi nước lợ: <i>Vibrio</i> tổng số, WSSV, EHP, AHPND.		
II Cá rô phi và cá nuôi lồng bè nước ngọt				
	Quan trắc vùng	Nhiệt độ nước, độ trong, oxy hòa tan, pH	Trong thời gian từ tháng 3 đến tháng 11	6 lần/năm
		N-NH ₄ ⁺ , N-NO ₂ ⁻ , N-NO ₃ ⁻ , P-PO ₄ ³⁻ , tổng Nitơ, tổng Phosphor, H ₂ S, COD, TSS.		
		Mật độ và thành phần tảo độc, <i>Aeromonas</i> tổng số, <i>Streptococcus sp</i> , Coliform,		

TT	Điểm quan trắc, giám sát	Thông số quan trắc, giám sát	Thời gian quan trắc, giám sát	Tần suất quan trắc, giám sát
1	nuôi	thực vật phù du.		
		Thuốc BVTV	Tháng 4 và tháng 7	02 lần/năm
		Kim loại nặng (Cd, Hg và Pb)		
2	Giám sát ao nuôi/ lồng nuôi đại diện	Nhiệt độ nước, oxy hòa tan, pH	Trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 11	06 lần/năm
		- Độ kiềm, $N-NH_4^+$, $N-NO_2^-$, $N-NO_3^-$, $P-PO_4^{3-}$, tổng Nitơ, tổng Phosphor, H_2S , TSS, COD; Mật độ và thành phần tảo độc - Giám sát một số tác nhân gây bệnh như bệnh xuất huyết, TiLV, <i>Streptococcus</i> ...		
III Nhuyễn thể				
1	Giám sát vùng nuôi nhuyễn thể	Nhiệt độ nước, pH, độ mặn.	Con nước lớn của kỳ nước cường	06 lần/năm
		$N-NH_4^+$, $N-NO_2^-$, $N-NO_3^-$, $P-PO_4^{3-}$, tổng Nitơ, tổng Phosphor, H_2S , TSS, độ kiềm,		
		Mật độ và thành phần tảo độc, <i>Perkinsus sp.</i> , <i>Coliform</i> , <i>Vibrio</i> tổng số	Trong thời gian từ tháng 2 đến tháng 11	
		Thuốc BVTV	Con nước lớn của kỳ nước cường, tháng 4 và tháng 7	02 lần/năm
		Kim loại nặng (Cd, Hg, As và Pb)		
		Giám sát bệnh trên ngao nuôi: <i>Perkinsus</i> , vi khuẩn...	Con nước lớn của kỳ nước cường, Trong thời gian từ tháng 2 đến tháng 11	06 lần/năm